

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 544/2019/HC-PT

Ngày 14-08-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng An Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung.

Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 207/2018/TLPT-HC ngày 16 tháng 5 năm 2018 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1576/2019QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Hoài N, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ 1, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Giấy ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2018): Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1977; cư trú tại: Số 106 B1, Phường C, quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh và Số 2, ấp E, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường K1, phường K, thành phố G, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Giấy ủy quyền ngày 13

tháng 12 năm 2017): Ông Mai Dũng D; chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường K1, phường K, thành phố G, tỉnh Bình Dương (vắng mặt và có đơn ghi ngày 10 tháng 7 năm 2019 xin xét xử vắng mặt).

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt và có đơn ghi ngày 10 tháng 7 năm 2019 xin xét xử vắng mặt).

3/ Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Nguyễn Phương L; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương; (vắng mặt và có đơn ghi ngày 10 tháng 7 năm 2019 xin xét xử vắng mặt).

Ngoài ra, có 04 người làm chứng không liên quan đến kháng cáo.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện là bà Trần Thị Hoài N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Bùi Văn Đ trình bày:

Bà Trần Thị Hoài N sử dụng ổn định diện tích 500m² thuộc thửa đất 306, tờ bản đồ số 10 tại ấp A, xã A1 từ năm 1992 và có kê khai thuế nhà đất năm 2008-2009. Đến ngày 08 tháng 12 năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 về việc thu hồi đất của bà N. Bà N khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 giải quyết đơn khiếu nại của bà N. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương. Bà N cho rằng gia đình bà đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các quyết định trên ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà nên khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bà N yêu cầu hủy: Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài N; Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N; Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu

nại của bà Trần Thị Hoài N; Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài N phù hợp quy định pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung quy định pháp luật.

Phần đất Ủy ban nhân dân xã A1 đề nghị thu hồi có diện tích 500 m² (trong đó có 161 m² đất hành lang đường bộ) thuộc tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc đất của Trạm xá xã A1 do Nhà nước quản lý có tứ cận: Bắc giáp đất Trạm bơm nước xã A1 dài 35,3m (tính từ tim đường Y), Nam giáp đất Văn phòng ấp A dài 36,7m (tính từ tim đường Y), Đông giáp đường Y dài 17m, Tây giáp đất ông Huỳnh Văn L dài 17m (hiện tại giáp đất trạm bơm nước xã A1).

Ngày 13 tháng 6 năm 2003, Ủy ban nhân dân xã A1 tiến hành lập Biên bản đình chỉ việc xây dựng hàng rào B40 đối với bà Trần Thị Hoài N do đất Ủy ban nhân dân xã A1 cho gia đình bà N mượn tạm để ở và bà Trần Thị Hoài N bao chiếm thêm một phần đất dư ra sau khi hoàn thành Trạm bơm nước xã A1 (đất làm trạm bơm nước thu hồi của bà Trần Thị T). Bà Trần Thị Hoài N có ý kiến làm hàng rào để chăn nuôi chứ không phải mục đích rào kiên cố để ở vĩnh viễn, khi nào Nhà nước thu hồi đất thì gia đình bà tự tháo dỡ không đòi bồi thường và cũng không xây dựng công trình cơ bản đất mượn ở và ký tên vào biên bản. Ngay sau đó, bà Trần Thị Hoài N đến Ủy ban nhân dân xã A1 mượn lại biên bản để xem và có hành vi tự ý xé bỏ biên bản tại Ủy ban nhân dân xã A1.

Ngày 20 tháng 3 năm 2008, Ủy ban nhân dân xã A1 ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 về việc xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng nhà ở trái phép đối với bà Trần Thị Hoài N với số tiền 400.000 đồng và buộc tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại hiện trạng ban đầu do đã có hành vi xây dựng nhà ở trái phép quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm

hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà.

Ngày 08 tháng 12 năm 2008, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài N.

Ngày 10 tháng 12 năm 2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Bình Dương phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã A1 tổ chức công bố và bàn giao Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cho bà Trần Thị Hoài N. Bà N đồng ý nhận quyết định nhưng không ký tên vào biên bản. Sau đó bà N có đơn khiếu nại Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương .

Ngày 12 tháng 3 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 181/QĐ-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N. Sau khi nhận quyết định, bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 29 tháng 12 năm 2009, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N.

Ngày 16 tháng 4 năm 2010, Thanh tra huyện B, tỉnh Bình Dương tiến hành mời bà Trần Thị Hoài N đến làm việc về việc thực hiện Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Tại buổi làm việc, bà Trần Thị Hoài N có ý kiến: “Tôi đồng ý chấp hành theo quyết định nói trên, khi nào nhà máy nước mở rộng tôi sẽ tự tháo dỡ công trình trên đất. Nếu di dời các công trình trên đất của tôi thì hỗ trợ di dời cho gia đình tôi theo Biên bản kiểm tra hiện trạng đất ngày 30 tháng 7 năm 2008”.

Ngày 11 tháng 5 năm 2010, Thanh tra huyện B, tỉnh Bình Dương phối hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã A1 tiến hành tổ chức việc thực hiện Quyết định số 1486/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của bà Trần Thị Hoài N và Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N đã có hiệu lực pháp luật. Bà Trần Thị Hoài N có ý kiến: “Tôi đồng ý chấp hành thực hiện theo quyết định nhưng cho tôi thời gian đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 để tự thanh lý cây trồng và công trình trên để giao đất cho Ủy ban nhân dân xã A1 quản lý”.

Sau đó, bà Trần Thị Hoài N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương hủy Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài N.

Ngày 07 tháng 5 năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Công văn số 291/CV- UBND với nội dung: “Đồng ý xem xét hỗ trợ bằng tiền

đối với diện tích 500m² đất nông nghiệp, đất công thu hồi của bà Trần Thị Hoài N đang sử dụng để xây dựng công trình mở rộng trạm bơm nước tập trung xã A1”. Bà N đồng ý với phương án hỗ trợ tiền bồi thường như trên của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương và có đơn xin rút khỏi kiện.

Ngày 02 tháng 7 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Trần Thị Hoài N để giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng công trình nhà máy nước tập trung xã A1 với tổng giá trị bồi thường 97.994.000 đồng. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cùng các phòng, ban và Ủy ban nhân dân xã A1 vận động, thuyết phục bà N bàn giao mặt bằng nhưng bà N không đồng ý và tiếp tục xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất bị thu hồi.

Ngày 06 tháng 6 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà N. Quyết định đã được công bố và bàn giao cho bà N, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A1 và Văn phòng áp A theo quy định pháp luật.

Ngày 12 tháng 7 năm 2016, Ban thực hiện cưỡng chế số 327 (thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương) mời bà Trần Thị Hoài N đến tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã A1 để tổ chức vận động, đối thoại. Do sơ suất Ủy ban nhân dân xã A1 gửi giấy mời không đúng quy định nên buổi đối thoại không diễn ra theo dự kiến.

Ngày 19 tháng 7 năm 2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 753/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND đến ngày 20 tháng 8 năm 2016. Tuy nhiên, bà Trần Thị Hoài N không chấp hành mà gửi đơn tố cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 21 tháng 7 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Thông báo số 121/TB-UBND về việc không thụ lý giải quyết tố cáo do vụ việc của bà Trần Thị Hoài N đã được giải quyết theo quy định pháp luật và do việc tố cáo xuất phát từ việc khiếu nại không đạt được mục đích.

Ngày 19 tháng 8 năm 2016, Ban thực hiện cưỡng chế số 327 đã tiến hành tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Hoài N và thực hiện xong Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, tháo dỡ, san ủi toàn bộ công trình, vật kiến trúc và thanh lý toàn bộ cây trồng trên 500m² đất công bị thu hồi. tổ chức cắm mốc ngoài thực địa và bàn giao lại diện tích 500m² đất công cho Ủy ban nhân dân xã A1 quản lý.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoài N về việc hủy Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008, Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009, Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 và Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương có văn bản trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N phù hợp quy định pháp luật.

Khu đất diện tích 500m² hiện bà Trần Thị Hoài N đang khiếu kiện có nguồn gốc là đất công do Ủy ban nhân dân xã A1 quản lý. Bà Trần Thị S (Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A1 năm 1992) có cho bà Trần Thị Hoài N mượn khu đất này để cất chòi may đồ nhằm cải thiện cuộc sống. Việc bà Trần Thị S cho bà N ở hay cho mượn khu đất 500m² nói trên đều không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 1987.

Năm 2003, bà N tiến hành xây dựng hàng rào B40 quanh khu đất nên Ủy ban nhân dân xã A1 tiến hành lập biên bản đình chỉ xây dựng hàng rào và buộc tháo dỡ hàng rào B40 xây dựng trái phép. Tại biên bản ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã A1, bà N cho rằng việc xây dựng hàng rào không phải mục đích rào kiên cố để ở vĩnh viễn, khi nào nhà nước thu hồi đất thì bà N tự tháo dỡ không đòi bồi thường và cũng không xây dựng công trình trên đất mượn ở tạm, cam kết những điều trên đây và xin thực hiện, không khiếu nại gì về sau này, nếu bà N vi phạm những điều này xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật. Nhưng đến năm 2008, bà N xây nhà. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã A1 đã xử phạt hành chính tại Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 là đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 13 Luật Đất đai năm 1987 và khoản 5 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 giải quyết bác đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N là đúng quy định pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị Hoài N và công nhận nội dung Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 6, 30, 32, 116, điểm a khoản 2 Điều 193, 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoài N đối với yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND huyện B về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12/3/2009 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết đơn khiếu nại của

bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện B về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 9 tháng 4 năm 2018 bà Trần Thị Hoài N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và trình bày: Bà sử dụng thửa đất từ năm 1992, xây nhà trên đất và có kê khai thuế. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ký Quyết định nêu lên các sai phạm nhưng vẫn cưỡng chế là sai quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không thay đổi, bổ sung hay rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án. Người bị kiện giữ nguyên Quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ trình bày:

Năm 1992 đất không có ai quản lý nên bà N đã quản lý khoảng 500m² và cất nhà năm 1993. Bà N đã sử dụng đất liên tục và đóng thuế nhà đất từ năm 1993 đến 2003. Quyết định số 1486 thu hồi nhưng không nói đến thửa đất và tờ bản đồ nên không có gì làm căn cứ cho rằng đất thu hồi nằm tại đâu. Sau đó, chính quyền hỗ trợ nên bà N rút đơn.

Ủy ban nhân dân huyện đã đo đạc nhưng áp giá đền bù không đúng thửa đất và không đúng vị trí đất của bà N. Sau khi đối thoại lại không trả lời rồi cưỡng chế. Quyết định cưỡng chế không đúng với Quyết định thu hồi và không đúng nội dung đền bù.

Thửa 306 tách từ thửa 143 nhưng tất cả hồ sơ không đúng với hiện trường và không tính thời hiệu.

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, hủy tất cả các quyết định bị khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên Bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành một bản án có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện trình bày nhưng không có tình tiết gì mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự là bà Trần Thị Hoài N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương vắng mặt. Trong đó, bà N

đã ủy quyền cho ông Bùi Văn Đ, các đương sự còn lại đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Ngày 26 tháng 03 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử vụ án hành chính giữa bà Trần Thị Hoài N và người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương. Bà N kháng cáo vào ngày 09 tháng 4 năm 2018 là còn trong thời hạn kháng cáo, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Ngày 14 tháng 10 năm 2016, bà Trần Thị Hoài N nộp đơn khởi kiện và ngày 01 tháng 11 năm 2016 bà N nộp đơn khởi kiện bổ sung tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Vì vậy, căn cứ Điều 116, Điều 118 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, đơn khởi kiện của bà N là còn trong thời hạn luật định, đúng hình thức nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận giải quyết việc khởi kiện của bà Trần Thị Hoài N đối với Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương là đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm cũng xem tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính có liên quan là các Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương và Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương là đúng quy định tại Điều 6, điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 và hướng dẫn tại Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 44, 138 Luật Đất đai năm 2003 và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[6] Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 là đúng thẩm

quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 6 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[7] Bà Trần Thị Hoài N sử dụng diện tích 500m² tại xã A1, huyện B, tỉnh Bình Dương. Bà N trình bày bà đã khai hoang, san lấp và sử dụng ổn định phần đất trên từ năm 1992 nên cho rằng bà đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, bà không có chứng cứ gì chứng minh việc khai hoang của bà.

[8] Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 12 năm 2017, bà N xác định: “Cuối năm 1991, bà Trần Thị S nguyên Chủ tịch xã A1 nói miệng cho tôi sử dụng phần đất khoảng 500m²...” Tại biên bản làm việc ngày 26 tháng 5 năm 2009 của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, bà N cũng trình bày: “Khu đất 500m² này của bà có nguồn gốc là đất công do Ủy ban nhân dân xã A1 quản lý. Vào năm 1992, bà Trần Thị S (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A1 lúc đó) cho bà N ở trên khu đất này...”. Bản tường trình của bà N ngày 13 tháng 8 năm 2012, Biên bản lấy lời khai bà N ngày 9 tháng 10 năm 2012, Biên bản đối thoại ngày 11 tháng 9 năm 2012 bà N đều trình bày bà làm thủ quỹ xã A1, gia đình khó khăn không có nhà ở nên đến cuối năm 1991 Ủy ban nhân dân xã A1 xem xét cho bà N một mảnh đất nhỏ để cất nhà sinh sống. Lúc đó bà Trần Thị S nguyên là Chủ tịch đứng ra giao đất cho bà.

[9] Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 3 năm 2018, người làm chứng là bà Trần Thị S (Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A1 trình bày): năm 1992 có giải quyết cho bà Trần Thị Hoài N (thủ quỹ của xã) mượn khu đất công do Nhà nước quản lý để cất chòi may đồ nhằm cải thiện cuộc sống. Trước đó khu đất do ông Huỳnh Văn L sử dụng. Bà N không có công sức nhiều trong việc cải tạo khu đất vì nguồn gốc khu đất này không phải là đất hoang, chỉ san bằng phẳng để cất nhà.

[10] Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 3 năm 2018, người làm chứng là ông Huỳnh Văn L (Nguyên xã đội trưởng xã A1) trình bày ông được bà Trần Thị S cho mượn phần đất công để làm quán giải khát kiếm thêm thu nhập vào năm 1989. Năm 1992, ông trả lại đất thì bà Trần Thị S cho bà Trần Thị Hoài N mượn khu đất này. Khi ông L sử dụng phần đất công nêu trên đã bằng phẳng nên khi bà N sử dụng không có việc khai hoang hay san lấp đất.

[11] Các lời khai của bà N trong các văn bản nêu trên phù hợp với các lời khai của người làm chứng là ông L và bà S nên có đủ căn cứ chứng minh nguồn gốc khu đất bà N đang khởi kiện không phải là đất hoang mà là đất công do bà Trần Thị S (nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A1) giải quyết giao cho bà N sử dụng để làm chòi may.

[12] Việc bà N được bà S giao đất hay cho mượn khu đất nói trên đều không đúng thẩm quyền quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 1987. Theo điểm a khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003 quy định trong trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền thì thuộc trường hợp không được xem xét bồi thường về đất khi bị thu hồi nên việc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành quyết định số

1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 không giải quyết bồi thường về đất cho bà N là đúng quy định pháp luật.

[13] Trong quá trình sử dụng đất, bà N bị Ủy ban nhân dân xã A1 lập Biên bản ngày 13 tháng 6 năm 2003 đình chỉ việc bà N xây dựng hàng rào. Khi bà N xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân xã A1 có lập biên bản kiểm tra xử lý xây dựng ngày 10 tháng 3 năm 2008. Ngày 20 tháng 3 năm 2008, Ủy ban nhân dân xã A1 ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng nhà ở trái phép đối với bà Trần Thị Hoài N 400.000 đồng và buộc tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại hiện trạng ban đầu do đã có hành vi xây dựng nhà ở trái phép quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2004/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà. Vì vậy, trường hợp bà N sử dụng đất công được giao trái thẩm quyền trong thời gian dài, nhiều lần bị chính quyền địa phương lập biên bản đình chỉ xây dựng nhưng không chấp hành lại yêu cầu bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi (vì mục đích công cộng xây dựng công trình mở rộng trạm bơm nước tập trung xã A1) là trái pháp luật và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 không chấp nhận đơn khiếu nại của bà N yêu cầu bồi thường về đất là đúng quy định pháp luật.

[14] Bà N cũng thừa nhận bà sử dụng đất sau ông Huỳnh Văn L, xây nhà làm nhiều lần, căn nhà cấp 4 loại 3 được xây dựng sau khi Ủy ban nhân dân xã A1 đã ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2008 buộc tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại hiện trạng ban đầu. Thanh tra huyện B, tỉnh Bình Dương nhiều lần mời bà N đến làm việc và bà N đều đã cam kết là chấp nhận, sẽ tháo dỡ công trình như trên.

[15] Trên thực tế giải quyết vụ việc, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã xem xét hỗ trợ cho bà N đối với diện tích đất nông nghiệp 335m² (ngoài hành lang bảo vệ đường bộ) với số tiền 23.450.000 đồng, bồi thường căn nhà tạm A và nhà tạm B tổng cộng 50.250.000 đồng, bồi thường công trình phụ, vật kiến trúc trên đất là 19.137.000 đồng, bồi thường toàn bộ cây trái là 5.157.000 đồng, tổng số tiền là 97.994.000 đồng theo Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2014. Bà N hoàn toàn không khiếu kiện các văn bản liên quan đến Quyết định số 1805/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2014 nêu trên. Trong khi đó, các văn bản liên quan đến Quyết định 1805/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đều khẳng định đất được hỗ trợ là đất công. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã giải quyết hỗ trợ về đất, bồi thường toàn bộ phần tài sản hợp pháp cho bà N là đúng quy định, đảm bảo cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

[16] Trong quá trình thực hiện quyết định thu hồi đất, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cùng các phòng, ban và Ủy ban nhân dân xã A1 vận

động, thuyết phục bà N bàn giao mặt bằng nhưng bà N không đồng ý thực hiện và tiếp tục xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất bị thu hồi. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Hoài N và Quyết định số 753/QĐ-UBND về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND đến ngày 20 tháng 8 năm 2016 là phù hợp quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 19 tháng 8 năm 2016, Ban thực hiện cưỡng chế số 327 đã tiến hành tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Trần Thị Hoài N và thực hiện xong Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

[17] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện trình bày kháng cáo yêu cầu hủy tất cả các quyết định nêu trên nhưng không nêu được căn cứ nào khác so với phiên tòa cấp sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N cùng lời trình bày của ông Đ tại phiên tòa phúc thẩm.

[18] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[19] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị Hoài N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Hoài N, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 6, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoài N đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 5591/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Trần Thị Hoài N, Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về việc gia hạn thời gian thực hiện Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bà Trần Thị Hoài N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/000960 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng (5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, PQH, 14.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng An Thanh